

Số: /BNN-TCLN
V/v báo cáo trồng rừng thay thế

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng về “rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định trong việc lập, phê duyệt và thực hiện phương án trồng rừng thay thế đối với các công trình/dự án nhằm góp phần nâng cao chất lượng trồng rừng đảm bảo cân bằng sinh thái và khả năng tự điều tiết nguồn nước trên lưu vực” tại văn bản số 9389/VPCP-CN, ngày 09/11/2020 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện trồng rừng thay thế và ước thực hiện đến hết năm 2020 (kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp và kiến nghị, đề xuất), tổng hợp kết quả thực hiện của từng dự án theo phụ lục I gửi kèm.

2. Đánh giá tình hình triển khai Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT, ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung Thông tư, trong đó tập trung vào nội dung “nâng cao chất lượng trồng rừng đảm bảo cân bằng sinh thái và khả năng tự điều tiết nguồn nước trên lưu vực” theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 9389/VPCP-CN, ngày 09/11/2020 của Văn phòng Chính phủ.

3. Đề xuất nhu cầu trồng rừng phòng hộ, đặc dụng tại địa phương (diện tích, nhu cầu vốn) từ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế.

4. Tổng hợp kinh phí trồng rừng thay thế còn kết dư tại địa phương trong trường hợp không còn quỹ đất trồng quy hoạch cho đặc dụng, phòng hộ, đề xuất nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Lâm nghiệp (theo phụ lục II kèm theo).

Báo cáo đề nghị gửi về Tổng cục Lâm nghiệp trước ngày 20/12/2020 theo địa chỉ nhà A3, Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội. Bằng File mềm đề nghị gửi về địa chỉ email: buinguyenphuky@gmail.com.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn

Phụ lục I:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRỒNG RỪNG THAY THẾ KHI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

(Kèm theo công văn số: /BNN-TCLN, ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên chương trình, dự án	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)	Năm chuyển mục đích sử dụng	Kết quả thực hiện											Diện tích còn lại phải trồng (ha)	Ghi chú
				Diện tích đã trồng			Chia ra theo hình thức thực hiện									
				Tổng diện tích đã trồng (ha) (lũy kế đến 31/12/2018)	Năm 2019	Năm 2020	Chủ dự án tự trồng (ha)	Bố trí từ nguồn NSNN (ha)	Nộp tiền trồng rừng thay thế							
									Diện tích đã trồng (ha)	Số tiền (triệu đồng)						
					Số tiền phải nộp	Đã nộp	Đã giải ngân	Đã có Kế hoạch chi		Số tiền còn phải nộp						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15=11-12	16	17
	Tổng cộng															
I	Dự án Thủy điện															
1																
2																
	...															
II	Dự án Kinh doanh															
1																
2																
	...															
III	Dự án công cộng															
1																
2																
	...															

Ghi chú:

Cột 2: Tên chương trình dự án: thống kê chi tiết theo từng dự án, thực hiện từ năm 2006 đến nay (từ khi Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng có hiệu lực thi hành đến nay); địa phương đã tổng hợp theo văn bản số 291/TCLN-KHTC ngày 08/3/2019 của Tổng cục Lâm nghiệp.

Cột 4: Ghi năm có quyết định phê duyệt đầu tư dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng.

Cột 5, 6, 7: Diện tích đã trồng rừng thay thế, chia ra: lũy kế đến 31/12/2018; năm 2019; năm 2020.

Cột 8: Là diện tích chủ dự án tự thực hiện trồng rừng thay thế.

Cột 9: Là diện tích được bố trí trồng từ nguồn bảo vệ và phát triển rừng đối với các dự án công cộng đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước (thực hiện theo văn bản số 5211/VPCP-KTN ngày 07 tháng 7 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ).

Cột 14: Là số tiền đã được phê duyệt để thực hiện trồng rừng thay thế; số tiền còn phải chăm sóc đối với diện tích rừng đã trồng.

Cột 16: Là diện tích chưa thực hiện trồng rừng thay thế của các dự án.

